

**CÔNG TY TNHH METALIC GROUP**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH METALIC GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109789791

**3. Ngày thành lập:** 25/10/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 7 ngõ 640 Nguyễn Văn Cừ, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0901703333

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                 | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                         | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                   | 4513     |
| 4.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                      | 4520     |
| 5.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                             | 4530     |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Không bao gồm kinh doanh dược phẩm)                                                                                                                                                                                                          | 4649     |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                 | 4651     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                  | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                     | 4659     |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại khác                                                                                                                                                                | 4662     |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim. | 4663     |
| 12. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kiểm toán, chứng khoán, bảo hiểm)                                                                                                                  | 6619     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (theo khoản 1 Điều 3 Luật Kinh doanh Bất động sản 2014)                                                                   | 6810(Chính) |
| 14. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản (theo khoản 2 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014);<br>- Tư vấn bất động sản (theo khoản 8 Điều 3 Luật Kinh doanh bất động sản 2014). | 6820        |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính)                                                                                                                                                                              | 7020        |
| 16. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại Nhà nước cấm và hạn chế kinh doanh)                                                                                                                                                                                   | 4690        |
| 17. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                            | 5510        |
| 18. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                     | 5610        |
| 19. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                             | 5621        |
| 20. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                 | 5629        |
| 21. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                              | 5630        |
| 22. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                       | 7911        |
| 23. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                | 7912        |
| 24. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                                                  | 7990        |
| 25. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                    | 4101        |
| 26. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                              | 4102        |
| 27. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                        | 4211        |
| 28. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                         | 4212        |
| 29. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                             | 4221        |
| 30. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                  | 4222        |
| 31. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                   | 4223        |
| 32. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                    | 4229        |
| 33. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                               | 4311        |
| 34. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 35. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                               | 4741        |
| 36. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                            | 4742        |
| 37. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4752        |
| 38. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 38.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: Giới tính:  
Sinh ngày: Dân tộc: Quốc tịch:  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:  
Ngày cấp: Nơi cấp:  
Địa chỉ thường trú:  
Địa chỉ liên lạc:

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN THUY MINH TRÚC Giới tính: Nữ  
Chức danh: *Tổng giám đốc*  
Sinh ngày: 12/02/1995 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 225582860  
Ngày cấp: 28/03/2018 Nơi cấp: Công an tỉnh Khánh Hòa  
Địa chỉ thường trú: *84/7/7 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *84/7/7 Hùng Vương, Phường Lộc Thọ, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội